

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/DSPT

Ngày: 23/7/2020

V/v: *Tranh chấp kiện đòi quyền
sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/TLPT DS ngày 24/4/2020 về việc “Tranh chấp kiện đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DSST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Từ S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2020/QĐ-PT ngày 19/6/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Ngô Tiến T, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Thôn Hồi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hồi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Vân – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Đông Phương, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

* Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu V – sinh năm 1955 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Hôi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1983(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hôi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN

Người kháng cáo: Ông Ngô Tiến T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm xử và các tài liệu có trong hồ sơ nội dung vụ án như sau:
Phía nguyên đơn Ông Ngô Tiến T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà Ngô Thị D trình bày: Năm 1992 Hợp tác xã (HTX) đã tiến hành chia lại ruộng nông nghiệp cho toàn bộ xã viên. Năm 1995, UBND huyện Tiên Sơn (cũ, nay là thị xã Từ S) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp (GCNQSDĐ) cho các hộ gia đình xã viên trong hợp tác xã. Trong đó gia đình Ông Nguyễn Hữu V đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 221 (2), tờ bản đồ số 03, diện tích 1367m² (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m²) tại Thôn Hôi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN. Do không có nhu cầu sử dụng nên khoảng từ năm 1995 đến 1997 gia đình Ông Nguyễn Hữu V đã làm đơn trả lại Hợp tác xã 5 thước đất (120m²) trong số diện tích đất trên và không đóng sản phẩm hàng năm. Năm 1997, đội sản xuất 23- 24 đã giao cho Ông Ngô Tiến T thửa ruộng mà gia đình ông Vận đã trả lại HTX có giấy xác nhận của UBND xã Tương Giang nhưng Ông T đã đánh mất hết giấy tờ trên. Từ năm 1997 Ông T đã trồng bạch đàn và chuối trên thửa đất được đội sản xuất giao cho và đóng sản phẩm cho HTX từ đó đến nay. Ngày 01/8/2015 (âm lịch) Ông Nguyễn Hữu V đã chặt phá các cây trồng của Ông T đồng thời chiếm giữ trái phép thửa đất mà gia đình Ông T đã canh tác từ năm 1997. Năm 2015 việc gia đình ông Vận được cấp lại GCNQSDĐ nông nghiệp trong đó có 120m² đất này Ông T hoàn toàn không biết. Ông T yêu cầu ông Vận, bà Mùi trả lại cho ông diện tích 120m² ruộng canh tác tại cánh đồng Độc Sau thuộc Thôn Hôi Q, xã Tương G, thị xã Từ S mà đội sản xuất 23- 24 đã giao cho Ông Ngô Tiến T năm 1997.

Đối với việc gia đình ông Vận phá hủy các cây trồng và tiền sản lượng hàng năm mà gia đình Ông T đóng từ năm 1997 thì ông không yêu cầu gia đình ông Vận phải bồi thường.

Ngày 16/9/2015, Ông T có làm đơn đề nghị UBND xã Tương Giang, lãnh đạo thôn Hôi Quan về việc gia đình ông đã đóng sản phẩm của thửa đất 120m² được 20 năm, qua ba thư ký đội các ông bà gồm: Ông Nguyễn Hữu An thư ký đội 23 đến năm 1998, ông Phan Viết Nghĩ thư ký đội 23 từ năm 1998 đến năm

2006, bà Phan Thị Phụng thư ký đội 23 từ năm 2007 đến năm 2015, ông Nguyễn Hữu Đăng, nguyên trưởng thôn Hồi Quan, ông Nguyễn Hữu Huy, phó chủ tịch UBND xã Tương Giang đã cùng nhau ký xác nhận bên dưới nội dung đơn của Ông T, xác nhận những gì Ông T nêu trong đơn là đúng.

Phía bị đơn Ông Nguyễn Hữu V, Bà Nguyễn Thị M trình bày: Về nội dung liên quan đến nguồn gốc, diện tích thửa đất tranh chấp đúng như nguyên đơn trình bày. Với các nội dung khác ông Vận trình bày: Sau khi được cấp cho thửa ruộng trên, do phần ruộng trên có vị trí nằm tiếp giáp với đường đi nên gia đình ông Vận có đơn đề nghị với HTX thôn Hồi Quan chừa ra 120m², phần tiếp giáp với đường đi và là 01 phần trong tổng số diện tích 1.302,5m², để làm diện tích lưu không. Tuy nhiên, yêu cầu của gia đình ông không có ai giải quyết. Đến năm 1999, gia đình Ông T tự ý ra đào thùng vôi và chiếm giữ trên phần đất mà gia đình ông đã có đơn đề nghị làm diện tích lưu không. Từ năm 1999 không có ai canh tác trên diện tích đất trên nên đến năm 2015, gia đình ông có dựng lán trên phần ruộng có diện tích 1.367m² (nay là 1.302,5m²) nhưng sau đó địa phương đã yêu cầu gia đình ông Vận tháo dỡ do vi phạm mục đích sử dụng đất. Từ năm 1997 đến trước khi xảy ra tranh chấp ông bà không biết đội sản xuất đã tự ý giao 120m² đất tại cánh đồng Độc Sau cuối Thôn Hồi Q, xã Tương G trái thẩm quyền cho Ông T. Trên thực tế gia đình Ông T không cấy lúa canh tác trên thửa đất này mà chỉ đào thùng vôi và trồng chuối. Do thửa đất trên khó canh tác nên ông đề nghị HTX làm lưu không để giảm hoặc không phải đóng sản phẩm hàng năm. Từ năm 1997 Ông T tự ý đóng sản phẩm trên diện tích này ông bà không biết. Ông Vận, bà Mùi không đóng vì phần diện tích trên khó canh tác, thư ký đội báo phải có nghĩa vụ đóng bao nhiêu thì gia đình ông, bà đóng như thế. Năm 2004 ông Vận có đề nghị HTX cắt lưu không thì HTX không có giấy tờ hay thông báo gì giải quyết đơn của ông. Thửa đất này ông Vận, bà Mùi, Anh D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 và 2015, nhà nước chưa thu hồi nên ông Vận, bà Mùi cho rằng diện tích 120m² tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông, bà nên đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Anh Nguyễn Hữu D trình bày: Năm 1995 gia đình anh được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất ruộng là 1367m² (nay là 1302,5m²). Phần diện tích 120m² đang tranh chấp là UBND huyện cấp cho Ông Vận, bà Mùi và anh nằm trong diện tích đất ruộng đã được cấp cho gia đình anh, nên anh đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 158, 163, 169, 688 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 53, khoản 1 điều 54, điều 59 Luật đất đai năm 2013; Điều 3 nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 về việc ban hành văn bản quy định về việc

giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Tiến T về yêu cầu Ông Nguyễn Hữu V, Bà Nguyễn Thị M phải trả phần diện tích đất 120m² nằm trong tổng diện tích 1367m² thuộc thửa đất số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m²) tại Thôn Hồi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN thuộc quyền sử dụng của Ông Nguyễn Hữu V, Bà Nguyễn Thị M và Anh Nguyễn Hữu D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, định giá, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm Ông Ngô Tiến T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, ông Vận bà Mùi giữ nguyên ý kiến của mình, các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN phát biểu quan điểm về việc chấp hành quy định của pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 BLTTDS. Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Ông T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của Ông Ngô Tiến T nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] về nội dung vụ án: Phía nguyên đơn cho rằng năm 1997-1999 ông Vận trả Đội sản xuất 05 thước (120m²) tại xứ đồng Độc, Thôn Hồi Q, xã Tương G và Đội sản xuất đã giao cho ông có xác nhận của UBND xã Tương Giang nên ông yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Hữu V, Bà Nguyễn Thị M phải trả Ông T

diện tích đất 120m² trong thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m²) tại Thôn Hồi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN. Phía bị đơn cho rằng: Phần diện tích 120m² nằm trong tổng diện tích 1.367m² thuộc thửa đất số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m²) tại Thôn Hồi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN đã được Nhà nước giao cho gia đình ông, bà theo đúng qui định nên không đồng ý trả Ông T. Sau khi án sơ thẩm xử, Ông Ngô Tiến T có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của Ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về nguồn gốc phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m²) các đương sự đều thừa nhận của hộ Ông Nguyễn Hữu V được Nhà nước giao, đồng thời, năm 1995 đã được UBND huyện Tiên Sơn (nay là UBND thị xã Từ S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sử dụng là Ông Nguyễn Hữu V .

Phía Ông T cho rằng năm 1997-1999 ông Vận đã trả đã trả Đội sản xuất và Đội sản xuất đã giao cho ông phần diện tích 120m² nằm trong thửa 1678, diện tích 1.302,5m² sử dụng. Việc Đội sản xuất giao đất cho ông có giấy tờ và có xác nhận của UBND xã Tương Giang nhưng giấy tờ ông làm thất lạc, việc giao đất cho ông chỉ có xác nhận của các cán bộ địa phương đã giao đất cho ông và việc ông nộp thuế từ năm 1997 đến khi có tranh chấp. Qua xác minh các cán bộ địa phương tại thời điểm giao đất cho Ông T thể hiện: Thửa đất tại xứ Đồng Độc sau thôn Hồi Quan có diện tích 120m² đã được nhà nước cấp cho hộ Ông Nguyễn Hữu V năm 1995. Tuy nhiên, ông Vận không cấy lúa mà cho thuê để đào đất đóng gạch dẫn đến thửa đất không thể canh tác được. Năm 1997 gia đình ông Vận làm đơn trả lại đội sản xuất thửa đất này để làm lưu không và không đóng sản phẩm. Ông An đã trực tiếp nhận đơn và họp đội sản xuất thống nhất đề nghị đề thôn - HTX và UBND xã Tương Giang giao lại thửa đất trên cho Ông Ngô Tiến T. Ông An đã nộp đơn cho ông Nguyễn Hữu Đăng là chủ nhiệm HTX kiêm trưởng thôn xác nhận đơn đề nghị này và chuyển lên UBND xã Tương Giang giải quyết. UBND xã Tương Giang do ông Vũ Văn Sẻ - Chủ tịch xã ký xác nhận đơn của Ông Nguyễn Hữu V trả lại đất và giao lại thửa đất này cho cá nhân Ông Ngô Tiến T sau đó ký đóng dấu vào chính đơn đề nghị trả lại đất của Ông Nguyễn Hữu V. Văn bản này đã giao trực tiếp cho Ông Ngô Tiến T cầm HTX và UBND xã không lưu. Từ đó đến nay Ông T sử dụng thửa đất này và đóng sản phẩm cho Nhà nước và HTX thôn Hồi Quan từ năm 1997 đến nay.

Tuy nhiên, phần diện tích 120m² nằm trong 1.367m² thuộc thửa đất số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1302,5m²) tại xứ đồng Độc Thôn Hồi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN được Nhà nước giao cho hộ Ông Nguyễn Hữu V và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu

hồi nên việc Đội sản xuất, UBND xã tự ý giao phần đất này cho Ông T là trái thẩm quyền quy định của Luật đất đai.

Theo đơn đề nghị của ông Vận ngày 02/02/2004 có xác nhận của Thư ký đội 23 là ông Nguyễn Hữu An (BL58) thể hiện ông Vận đề nghị Đội sản xuất giải quyết cho cắt 1,5m đến 2m làm đất lưu không để gia đình giảm sản lượng. Tuy nhiên, theo lời khai của ông An thể hiện đã thu hồi và giao đất cho Ông T từ năm 1997. Do đó năm 1997, việc Đội sản xuất, Hợp tác xã và UBND xã giao cho Ông T khi phần đất vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông Vận là không đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, qua xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Từ Sơn thể hiện phần đất tranh chấp chưa được cấp có thẩm quyền thu hồi vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ Ông Nguyễn Hữu V được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/10/1995 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/05/2015.

Như vậy, phần đất tranh chấp 120m² nằm trong tổng diện tích 1.367m² thuộc thửa đất số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302,5m²) tại xứ đồng Độc Thôn Hồi Q, xã Tương G, thị xã Từ Sơn, tỉnh BN Nhà nước giao cho hộ ông Vận năm 1995 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Việc cán bộ địa phương tự ý giao phần đất này cho Ông T khi chưa có quyết định thu hồi của cấp có thẩm quyền là trái quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1993 qui định: *“Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đỏ”*. Điều 24 Luật đất đai năm 1993 qui định: *“Thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp được quy định như sau: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân”*.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu của Ông Ngô Tiến T là có căn cứ, do vậy, cần bác yêu cầu kháng cáo của Ông Ngô Tiến T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tuyên chi phí thẩm định, định giá không tuyên số tiền cụ thể là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Do yêu cầu của Ông T không được chấp nhận nên Ông T phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ, xác nhận Ông T đã nộp đủ số tiền này.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên Ông T là người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về phí, lệ phí xử thì Ông T thuộc trường hợp miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho Ông T.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 158, 163, 169, 688 Bộ luật dân sự; Các Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 59 Luật đất đai năm 2013; Điều 3 nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 về việc ban hành văn bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Ngô Tiến T về yêu cầu Ông Nguyễn Hữu V, Bà Nguyễn Thị M phải trả phần diện tích đất 120m² nằm trong tổng diện tích 1.367m² thuộc thửa đất số 221 (2), tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 1678, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302,5m²) tại Thôn Hồi Q, xã Tương G, thị xã Từ S, tỉnh BN thuộc quyền sử dụng của Ông Nguyễn Hữu V, Bà Nguyễn Thị M và Anh Nguyễn Hữu D.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho Ông Ngô Tiến T. Hoàn trả cho Ông Ngô Tiến T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số AA/2013/03369 ngày 18/6/2018 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ S, tỉnh BN.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Ngô Tiến T phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá. Xác nhận Ông T đã nộp đủ số tiền này.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND thị xã Từ S;
- Chi cục THADS thị xã Từ S;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình